

Bản án số: 15/2020/DS-ST.

Ngày: 15 - 10 - 2020.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Dũng, ông Phạm Ngọc Dung.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Lệ Thủy – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 25/2020/TLST- DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 về “ tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 9 năm 2020 và **quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST – DS ngày 29 tháng 9 năm 2020** đối với các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Huỳnh D – Sinh năm: 1982, anh Lê Văn V – Sinh năm 1978.

Đều trú tại: Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Lê Văn V là: chị Ngô Thị Huỳnh D (theo giấy ủy quyền ngày 22/6/2020).

Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn T – Sinh năm: 1980, chị Bùi Thị Q - sinh năm 1981.

Đều trú tại: Thôn X, xã T, huyện V, tỉnh T.

Anh T, chị Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2020, quá trình giải quyết vụ, nguyên đơn là chị Ngô Thị Huỳnh D trình bày:

Ngày 31 tháng 01 năm 2015 vợ chồng chị có cho vợ chồng anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q trú tại thôn X, xã T, huyện V vay 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu

đồng) để đảo nợ ngân hàng. Khi vay anh T, chị Q có viết giấy vay tiền và có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay đến ngày 07/02/2015. Đến hạn không thấy anh T, chị Q trả tiền nên vợ chồng chị D đã đến nhà anh T, chị Q để đòi nhiều lần nhưng anh T, chị Q vẫn khất lần không trả. Vì anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q không có thiện chí trả nợ nên chị D, anh V đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc buộc anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q phải có trách nhiệm trả cho chị D, anh V số tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất phạt quá hạn mà pháp luật quy định tính từ ngày vay cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q sau khi thụ lý vụ án đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của anh T, chị Q.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/9/2020, Công an xã T, huyện V, tỉnh Thanh Hóa nơi anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Bùi Thị Q hiện đang có mặt tại địa phương, lâu nay sinh sống tại thôn X, xã T. Anh Trịnh Văn T hiện nay không có mặt tại địa phương nhưng anh T thường xuyên về nhà tại thôn X, xã T. Tại biên bản xác minh ngày 10/9/2020, ông Trịnh Văn C là bố đẻ của anh T, bố chồng của chị Q khẳng định, chị Q đang sinh sống tại địa phương, ban ngày chị Q chị làm ở công ty nên không có nhà, chiều tối hết giờ làm chị Q mới về nhà. Anh T hiện nay không có mặt tại địa phương, anh T đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Tất cả các văn bản tố tụng Tòa án giao mà ông C nhận thay cho anh T, chị Q đều được ông giao lại cho chị Q ngay khi chị Q về nhà và khi nhận được văn bản của Tòa án ông đều gọi điện thoại đọc cho anh T nghe nội dung cũng như khuyên bảo anh T về để Tòa án giải quyết, nhưng anh T nói bận công việc nên không về được cứ để Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Tuy là bố đẻ của anh T nhưng ông C chỉ biết anh T làm ăn trong Miền Nam chứ không biết cụ thể địa chỉ của anh.

Tại phiên tòa, chị Ngô Thị Huỳnh D đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị D, anh V số tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày chị Bùi Thị Q, anh Trịnh Văn T nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo mà chị D, anh V đã gửi cho anh T, chị Q theo mức lãi suất mà pháp luật quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố

tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh D, anh Lê Đình V buộc anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q phải có trách nhiệm trả đầy đủ số tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật cho vợ chồng chị D, anh V.

- Về án phí: Anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị Ngô Thị Huỳnh D, anh Lê Văn V toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết Q tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q có vay nợ của vợ chồng chị Ngô Thị Huỳnh D, anh Lê Văn V số tiền là 70.000.000 đồng. Quá hạn trả nợ, anh T và chị Q không trả nên chị D, anh V khởi kiện ra Tòa án yêu cầu anh T, chị Q phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh. Bị đơn anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q, đều trú tại: Thôn X, xã T, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q đến Tòa án để làm bản tự khai nhưng anh T, chị Q không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của anh T, chị Q. Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh T, chị Q không đến Tòa án. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T, chị Q và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã thông báo kết Q kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T, chị Q theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị Q là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng: Giao dịch dân sự ngày 31/01/2015 giữa chị D, anh V và anh T, chị Q được thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực. Vì vậy áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết. Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q không đến Tòa án làm việc cho dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, căn cứ vào giấy vay tiền ngày 31/01/2015 thể hiện anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q có vay của vợ chồng chị Ngô Thị Huỳnh D, anh Lê Văn V số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), mục đích vay tiền là để đảo sổ ngân hàng. Trong giấy vay tiền không thể hiện thời hạn vay cụ thể mà ghi: “Hẹn ngày trả khi đảo xong”. Như vậy, khẳng định hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng chị D, anh V và vợ chồng anh T, chị Q là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, nhưng chị D, anh V không chứng minh được thời gian anh T, chị Q đảo nợ xong ngân hàng vào thời gian nào. Ngày 19/6/2020, chị D, anh V làm đơn khởi kiện và ngày 23/6/2020 đã gửi đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo cho anh T, chị Q cùng ngày 23/6/2020 anh T, chị Q đã nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà chị D, anh V gửi. Như vậy, anh T và chị Q đã biết được việc kiện đòi tài sản của chị D, anh V nhưng vẫn không trả nợ cho chị D, anh V chứng tỏ anh T, chị Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, chị D, anh V yêu cầu anh T, chị Q phải trả nợ cho chị D, anh V số tiền gốc đã vay là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc vợ chồng anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị Ngô Thị Huỳnh D, anh Lê Văn V số tiền nợ gốc đã vay là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về lãi suất: Giao dịch dân sự giữa chị D, anh V và anh T, chị Q trong giấy vay nợ không thể hiện lãi suất, chị D, anh V không chứng minh được anh T, chị Q vay số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 31/01/2015, thời hạn đến ngày đảo xong nợ ngân hàng với lãi suất khi vay là 3%/tháng, quá trình giải quyết vụ án anh T, chị Q vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh T, chị Q. Nên khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản không lãi, có thời hạn nhưng không cụ thể, 23/6/2020 anh T, chị Q đã nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà chị D, anh V gửi nhưng không trả nợ cho chị D, anh V. Như vậy, anh T, chị Q đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền

nên yêu cầu của chị D, anh V về việc buộc anh T, chị Q phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày anh T, chị Q nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất là 10%/ năm:

Từ ngày 23/6/2020 đến 15/10/2020 là 03 tháng 22 ngày = 70.000.000 đồng x 0,833% x 03 tháng 22 ngày = 2.176.900 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi vợ chồng anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q phải trả cho vợ chồng chị Ngô Thị Huỳnh D, anh Lê Văn V là 70.000.000 đồng + 2.176.900 đồng = 72.176.900 đồng (Bảy mươi hai triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Huỳnh D, anh Lê Văn V được chấp nhận nên anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho chị Ngô Thị Huỳnh D, anh Lê Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 210, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 290, khoản 2 Điều 305; Điều 471, 474, khoản 2 Điều 476, khoản 1 Điều 478 của Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, Qn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Huỳnh D, anh Lê Văn V về việc buộc anh T, chị Q phải trả số tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh.

2. Buộc anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q phải có trách nhiệm trả cho chị Ngô Thị Huỳnh D, anh Lê Văn V số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và 2.176.900 đồng tiền lãi. Tổng số tiền anh T, chị Q phải trả là: 72.176.900 đồng (Bảy mươi hai triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 16/10/2020, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Buộc anh Trịnh Văn T, chị Bùi Thị Q phải nộp 3.608.845 đồng (ba triệu sáu trăm lẻ tám nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho chị Ngô Thị Huỳnh D, anh Lê Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0004685 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang